TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **54 /**2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2021
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Phu**

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Ái**

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Huỳnh Minh Triết-** Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:467/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định hoãn phiên tòa số:73/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Doãn Thị Ngọc G**, sinh năm: 1990. Cư trú: ấp Tân Hải, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1990. Cư trú: ấp An Thạnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú, An Giang.

(Bà Hờ có mặt, ông Thành vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Doãn Thị Ngọc G nộp đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa ông, bà được hình thành là do tự tìm hiểu yêu thương nhau trước rồi được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú. Cuộc sống chung tương đối hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn từ tháng 09/2020 đến

nay. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, ông T có quan hệ quen biết với người phụ nữ khác bên ngoài, bà nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Hai người ly thân nhau từ đó. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về tài sản chung: Bà G khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông T theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông và bà G để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà G bảo lưu ý kiến của mình, riêng ông T đã được triệu tập đến phiên tòa lần hai những vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bà G và ông T có mâu thuẫn vơ chồng và không thể hàn gắn được do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hôn nhân giữa bà G và ông T là do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang là hôn nhân hợp pháp; ông T cư trú trên địa bàn huyện An Phú, nên yêu cầu xin ly hôn của bà G được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa hai người hình thành là do tự tìm hiểu nhau trước, được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới, có đăng

ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau. Nay bà G xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được: Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và nơi cư trú của ông Nguyễn Văn T ngày 29/01/2021 được ông Nguyễn Văn Huỳnh An – Công an viên Công an thị trấn An Phú cung cấp thông tin như sau: Hiện nay ông Thành vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp An Thạnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Về tình trạng hôn nhân thì ông không rõ, hiện nay ông T ở đâu làm gì thì không rõ.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là bất đồng nhau trong cách sống, lẽ ra hai bên tự tìm cách hóa giải để tạo điều kiện cho cuộc sống hạnh phúc. Hiện tại bà G xác định là không còn tình cảm với ông T nửa và mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không có tiếng nói chung không thể tiếp tục chung sống. Ngược lại cả hai cùng bỏ mặc nhau, không quan tâm, địa phương biết, gia đình biết cả hai không còn yêu thương nhau.

Trong thời gian ly thân cả hai đều không quan tâm nhau để hàn gắn, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình, thì ông bà đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 luật hôn nhân và gia đình 2014 "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình", do đó Tòa án nhận thấy cả hai vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung: Bà G khai không có.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt, sau này ông T có yêu cầu tranh chấp thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà G được chấp nhận nên bà phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị Ngọc G.

Về hôn nhân: Bà Doãn Thị Ngọc G được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 14/3/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bà G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006816 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà G đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/3/2021) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (2);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã nơi kết hôn (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (1).
- Lưu hồ sơ (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phong Phi